

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 9 – 2020
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 297/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị K, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số 943, tổ 1, ấp Phú Thạnh, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 1, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh Nguyễn Hoàng V tự tìm hiểu và quen biết nhau trước, sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn vào khoảng năm 2018, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 31/01/2019 do Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện An

Phú, tỉnh An Giang cấp cho Phạm Thị K và Nguyễn Hoàng V). Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V không chăm lo làm ăn, uống nhiều rượu bia, chị K có khuyên ngăn nhưng anh V không sửa đổi và mâu thuẫn về tiền, bạc gia đình; từ khi chị K và anh V không còn chung sống thì chị K và anh V không hàn gắn tình cảm vợ chồng để chung sống lại với nhau. Nay chị K nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung với nhau được và chị K yêu cầu xin ly hôn với anh V.

- *Về nuôi con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Yến T, sinh ngày 15/02/2019; cháu T hiện đang sống với chị K. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến khi con thành niên và có khả năng lao động được, chị K không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hoàng V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh V thống nhất như lời trình bày trên của chị K về thời gian kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên vào tháng 4/2019 do mẹ ruột anh V là bà Nguyễn Thị V bị mất, anh V bị mất việc làm ảnh hưởng đến tinh thần bị suy sụp dẫn đến việc dùng rượu, bia để quên đi chuyện buồn trong gia đình, hậu quả trong lúc mất bình tĩnh, anh V thường xuyên cãi vã với chị K trong những lúc có dùng rượu, bia. Anh V bỏ về nhà cha, mẹ ruột sống tại tổ 01, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu từ đầu năm 2020 cho đến nay. Từ khi anh V và chị Kiều không còn chung sống thì anh V có gặp chị K để hàn gắn tình cảm vợ chồng chung sống lại nhưng chị K không đồng ý. Nay chị K yêu cầu ly hôn, anh V đồng ý ly hôn với chị K.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Yến T, sinh ngày 15/02/2019, cháu T hiện chị K đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay anh V đồng ý giao cháu T cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng và anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T trưởng thành và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 30/10/2020.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Phạm Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh V như trình bày trên của anh V. Bị đơn, anh Nguyễn Hoàng V vẫn giữ nguyên ý kiến như trình bày như trên.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu*:

Về thủ tục tố tụng:

+ *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử*:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ *Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

Nguyên đơn chị Phạm Thị K và bị đơn anh Nguyễn Hoàng V đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị K với anh Nguyễn Hoàng V; về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Yên T, sinh ngày 15/02/2019; cháu T hiện đang sống với chị K. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị K và anh V về việc nuôi con chung, đề nghị HĐXX giao cháu Nguyễn Hoàng Yên T, sinh ngày 15/02/2019 cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị K và anh V về việc anh V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T thành niên và lao động được. Thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 30/10/2020; về tài sản chung đã tự thỏa thuận, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị K và anh V có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị Phạm Thị K chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Hoàng V chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 1, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh V tự tìm hiểu và yêu thương, sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến chung sống nhau vào năm 2018, có tổ

chức lễ cưới, chị K và anh V đăng ký kết hôn vào năm 2019. Tại thời điểm kết hôn chị K và anh V đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị K và anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2018 có phát sinh mâu thuẫn về tiền, bạc dẫn đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt, nguyên nhân do anh V thường xuyên uống rượu, bia, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tuy nhiên, anh V có nhận lỗi và hàn gắn tình cảm để vợ chồng chung sống lại với nhau nhưng chị K không đồng ý và cương quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử, xét thấy chị K và anh V phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, anh V không chăm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu bia, chị K có khuyên ngăn nhưng anh V không nghe và phát sinh mâu thuẫn, anh V bỏ về quê sinh sống, đã không còn chung sống với chị K từ đầu năm 2020 cho đến nay; **Tại phiên tòa hôm nay, anh V có mặt và có yêu cầu cùng chị K hàn gắn tình cảm vợ chồng về chung sống lại với nhau nhưng chị K cương quyết không đồng ý và anh V đồng ý thuận tình ly hôn với chị K. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị K và anh V.**

[3] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Yến T, sinh ngày 15/02/2019; cháu T hiện chị K đang trực tiếp nuôi dưỡng; Anh V đồng ý giao cháu T cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng, anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 30/10/2020. Chị K đồng ý sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh V, **Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.** Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Nguyễn Hoàng Yến T, sinh ngày 15/02/2019 cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên và có khả năng lao động được. Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 30/10/2020.

Chị K cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh V trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K và anh V xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị K và anh V có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị K chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng. Anh V chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, các **Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014**; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị K và anh Nguyễn Hoàng V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 31/01/2019 do Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp cho Phạm Thị K và Nguyễn Hoàng V **không còn giá trị pháp lý**.

2. *Về nuôi con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Yến T, sinh ngày 15/02/2019, cháu T hiện chị K đang trực tiếp nuôi dưỡng. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Phạm Thị K và anh Nguyễn Hoàng V, giao cháu Nguyễn Hoàng Yến T, sinh ngày 15/02/2019 cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T thành niên và có khả năng lao động được. Anh Nguyễn Hoàng V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T trưởng thành và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 30/10/2020.

Chị K cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh V trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Về tài sản chung đã tự thỏa thuận, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị K và anh V có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Phạm Thị K chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001234 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu. Chị Phạm Thị K đã nộp án phí xong, anh Nguyễn Hoàng V chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm